

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :299

Sang : Bánh mì ốp la trứng gà
NT, mầm: Cháo thốt rau ngọt
Sữa grow
Trữa : Cơm tôm thốt xao nguội sặc cà rốt hành
tay su su bông cải. Canh bí xanh tôm kho thốt
heo nạc ngó rí
Món luộc: cải thìa
Xe: sữa chua
Xe chiều: Nui thốt gà cà rốt nam mướp bap

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36990				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Tôm kho	200	78,100	156,200
3	Tôm bìn	4,300	34,970	1,503,710
4	Nộm mắm Cà (loại 1)	2,000	8,800	176,000
5	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
6	Nông cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ may	19,000	2,630	499,700
9	Ngó (bap) tồ	1,000	4,200	42,000
10	Hành lã	1,500	6,300	94,500
11	Hành củ tồ	1,000	5,780	57,800
12	Cà rốt	3,500	5,460	191,100
13	Nam rôm	500	13,130	65,650
14	Mướp	2,500	3,990	99,750
15	Rau ngọt	1,200	5,780	69,360
16	Hành tây	500	3,570	17,850
17	Su su	1,000	3,050	30,500
18	Súp lơ	1,500	9,030	135,450
19	Bí ỉa (Bí xanh)	9,000	4,410	396,900
20	Rau ngó (Rau mui)	100	8,820	8,820
21	Cải thìa	3,500	5,460	191,100
22	Bánh mì lát	10,500	4,600	483,000
23	Nui	8,000	3,060	244,800
24	Thịt lợn nạc	5,500	17,850	981,750
25	Thịt gà loại 1	3,000	12,920	387,600
26	Thịt nạc dăm	6,700	17,960	1,203,320
27	Trứng gà toan phan	11,000	4,400	484,000
28	Yaourt	29,900	5,950	1,779,050
Cong				9,727,410
	*XUAT KHO			
29	Sữa bột Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cong				1,332,500
Tổng tiền thức phẩm				11,059,910 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chỉ trong ngày				11063000(đ)
Số đố ỉa ngày				0(đ)
Số đố cuối ngày				3090(đ)
Xuất ăn luy ke tồ ỉa tháng				
Tiêu chuẩn luy ke tồ ỉa tháng				
Tiền chỉ luy ke tồ ỉa tháng				